



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠU HỌC BỔNG ĐÌNH THIÊN LÝ 2025-2026

Trường	STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành học	Mã sinh viên
I. North Region					
ĐH Quốc Gia Hà Nội / Vietnam National University, Hanoi					
	1	Nguyễn Văn Hoà	26/10/2004	Vật lý học	22000164
	2	Lê Như Quỳnh	24/04/2004	Việt Nam học	22031516
	3	Vũ Cẩm Tú	04/09/2003	Ngôn ngữ Anh	22040527
	4	Lê Xuân Hùng	18/12/2004	Khoa học máy tính	22028172
	5	Đoàn Thị Trúc	15/12/2004	Kế toán	22050900
	6	Nguyễn Bảo Hà	12/06/1999	Nhật Bản học	22110033
	7	Mai Vũ Phương Anh	26/08/2003	Dược học	21100165
	8	Ngô Minh Châu	04/07/2004	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	22071161
	9	Đặng Hải Anh	01/10/2004	Quản trị Thương hiệu	22090005
	10	Lê Đình Hùng	24/2/2007	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	25070156
	11	Phạm Thị Nhật Lệ	20/02/2007	Ngôn ngữ học	25031031
	12	Nguyễn Vi Ngọc Thanh	20/06/2007	Ngôn ngữ Anh	25041056
	13	Nguyễn Hoàng Giang	22/12/2007	Kỹ thuật máy tính	25020557
	14	Bùi Châu Anh	13/01/2007	Kinh tế quốc tế	25050832
	15	Trần Thị Hải Yến	02/04/2007	Nhật Bản học	25111193
	16	Dương Văn Đoàn	12/11/2007	Quản trị tài nguyên di sản	25091216
ĐH Luật Hà Nội / Ha Noi University of Law					
	1	Lê Thị Huyền Diệp	24/12/2004	Luật Học	470405
	2	Trần Thị Sơn Hải	26/09/2004	Luật Thương mại quốc tế	472367
	3	Hoàng Thị Mai An	05/09/2004	Ngôn Ngữ Anh	472722
	4	Đồng Thị Thanh Nhân	04/07/2007	Luật Kinh Tế	251072156
	5	Nguyễn Bảo Trâm Anh	20/01/2007	Luật Thương mại quốc tế	251092302
	6	Nguyễn Hồng Ngân	07/04/2007	Luật	251011454
	7	Lại Thị Thu Thủy	26/04/2007	Luật	251011012
II. Central Region					
ĐH Bách Khoa Đà Nẵng / Danang University of Science and Technology					
	1	Trương Long Vũ	18/07/2003	Công nghệ Sinh học	107210013
	2	Nguyễn Phan Anh Đức	22/12/2003	Cơ Điện Tử	101210044
	3	Đào Văn Minh	26/10/2003	Kỹ thuật máy tính	106210244
	4	Nguyễn Thái Minh Thông	02/06/2007	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	102250369
	5	Phan Quang Hưng	16/01/2006	Kiến Trúc	121250019
III. South Region					
ĐH Kinh tế TP HCM / HCMC University of Economics					
	1	Hà Thị Trâm Anh	12/05/2003	Tài chính - Ngân hàng	31221025774
	2	Nguyễn Thị Hồng Phương	16/01/2004	Quản trị kinh doanh	31221022873
	3	Dương Thị Phương Nhi	06/04/2007	Tài chính quốc tế	31251026470
	4	Cao Thành Đạt	29/10/2007	Kinh doanh quốc tế	31251023704
	5	Trần Tuệ Vân	09/12/2007	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	31251027818
	6	Trần Anh Thông	18/12/2007	Quản Trị Kinh Doanh	31251025449
	7	Trương Nguyễn Bảo Ngân	04/05/2007	Marketing	31251020010
	8	Ngô Thị Vy	15/04/2007	Kinh doanh quốc tế	31251027092
	9	Nguyễn Thị Hồng Quế	03/10/2007	Thị trường chứng khoán	31251023965
	10	Phạm Thị Như Trâm	16/06/2007	Đầu tư tài chính	31251026562
	11	Lê Thùy Hương	02/01/2007	Kĩ thuật phần mềm	31251024491
	12	Văn Đặng Hoàng Kim	26/02/2007	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	31251026806
ĐH Bách Khoa TP HCM / HCMC University of Technology					



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠU HỌC BỔNG ĐÌNH THIÊN LÝ 2025-2026

Trường	STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành học	Mã sinh viên
	1	Nguyễn Minh Hưng	14/07/2004	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	2211367
	2	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/04/2003	Điện - Điện tử	2115400
	3	Lê Gia Bảo	10/12/2003	Kỹ thuật Xây dựng	2152021
	4	Trương Đình Siêu	20/06/2004	Điện - Điện tử	2212926
	5	Lê Trần Thiên Trường	17/04/2004	Công nghệ Vật liệu	2213737
	6	Nguyễn Văn Huỳnh	07/05/2004	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	2211315
	7	Phan Lê Hậu	02/05/2004	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	2210969
	8	Nguyễn Minh Thái	14/11/2007	Thiết kế vi mạch	2551846
	9	Trần Nhật Huy	29/01/2007	Cơ điện tử	2511488
	10	Lê Hoàng Nhân	17/03/2007	Kỹ thuật cơ khí	2511302
	11	Nguyễn Ngọc Bích Tuyền	17/07/2007	Kỹ Thuật Hóa Học	2512032
	12	Nguyễn Bảo Khôi	30/12/2007	Kỹ thuật hàng không	2551604
	13	Lê Phan Thành Danh	30/01/2007	Khoa học Máy tính	2510035
	14	Võ Thừa Hiếu	20/02/2007	Điện - điện tử	2510587
ĐH Khoa học tự nhiên / HCMC University of Science					
	1	Đỗ Tiền Hải	23/04/2004	Toán học	22110049
	2	Nguyễn Minh Lợi	12/02/2004	Công nghệ thông tin	22120189
	3	Hoàng Chí Sĩ	08/04/2004	Công nghệ Vật lý điện tử và tin học	22130155
	4	Trần Nguyễn Anh Minh	23/01/2004	Công nghệ Vật lý Điện tử và Tin học	22130103
	5	Lâm Tâm Như	09/10/2004	Vật lý học	22130134
	6	Nguyễn Thị Diên	24/11/2002	Công nghệ sinh học	22180037
	7	Bùi Hữu Tấn Tài	22/01/2007	Công nghệ thông tin	25127132
	8	Võ Thành Đạt	06/03/2007	Công nghệ thông tin	25125052
	9	Châu Tấn Phát	08/11/2007	Khoa học máy tính	25125061
	10	Võ Trần Hiền	02/01/2005	Toán học	25110001
	11	Phạm Đức Toàn	04/08/2007	Máy tính và công nghệ thông tin	25120449
	12	Lê Nhật Nam	05/11/2007	Máy tính và công nghệ thông tin	25120384
ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn TPHCM / HCMC University of Social Sciences and Humanities					
	1	Võ Thị Bích Vân	12/07/2004	Ngữ văn Trung Quốc	2257040155
	2	Bùi Thị Hòa	31/12/1996	Xã hội học	2256090044
	3	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	26/12/2007	Tâm lý học	2556160037
	4	Phạm Lê Nguyệt Ngân	20/07/2007	Quan hệ quốc tế	2557061051
	5	Hồ Vĩ Quốc	03/03/2007	Truyền thông đa phương tiện	2556050066
	6	Nguyễn Hiếu Nhân	12/09/2005	Ngôn Ngữ Anh	2557011098
ĐH Y Dược TPHCM / HCMC University of Medicine & Pharmacy					
	1	Nguyễn Vương Kim Ngân	20/10/2002	Y	111200226
	2	Nguyễn Trần Hiếu My	31/12/2002	Y	111200218
	3	Đỗ Thị Thùy My	05/06/2002	Y	111200216
	4	Võ Tấn Đạt	29/07/2002	Y	111200066
	5	Quách Bảo Trân	26/10/2002	Y	111200369
	6	Nguyễn Thế Nguyên	27/10/2002	Y	111200245
	7	Nguyễn Ngọc Hợp	07/12/2001	Y học dự phòng	411205001
	8	Trần Gia Hân	20/12/2004	Dinh dưỡng	411225150
	9	Nguyễn Hoàng Thắng	05/07/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây Mê Hồi Sức	611228354
	10	Lê Xuân Huy	02/09/2007	Y	111250145
	11	Trương Công Thế Vinh	23/05/2007	Y	111250428
	12	Phạm Minh Dũng	23/12/2007	Dược	511256097
	13	Tô Tuyết Anh	19/10/2007	Dược	511256040



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐAU HỌC BỔNG ĐÌNH THIÊN LÝ 2025-2026

Trường	STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành học	Mã sinh viên
	14	Cao Hải Đăng	12/08/2007	Y Học Cổ Truyền	311254024
	15	Nguyễn Ngọc Minh Anh	29/10/2007	Y học dự phòng	411255008
	16	Võ Đoàn Bích Ngọc	13/01/2007	Y Tế Công Cộng	411255263
	17	Tô Cẩm Tú	30/01/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	611258849
	18	Nguyễn Thị Bạch Tinh	11/12/1995	Kỹ thuật hình ảnh y học	611258734
ĐH Sư phạm TPHCM / HCMC University of Education					
	1	Nguyễn Minh Trung	24/07/2004	Sư phạm Lịch sử và Địa lí	48.01.616.190
	2	Võ Nhật Huy	01/07/2004	Sư phạm Tiếng Anh	48.01.701.054
	3	Trịnh Hoàng Khánh Linh	22/02/2004	Sư phạm tiếng Trung Quốc	48.01.704.009
	4	Lữ Tú Quyên	26/4/2003	Sư phạm Khoa học tự nhiên	48.01.401.122
	5	Trần Thị Thúy Diễm	04/09/2004	Giáo dục Chính trị	48.01.618.003
	6	Nguyễn Phúc Khang	06/03/1995	Tâm lý học	48.01.611.025
	7	Mai Xuân Chiến	21/08/2004	Sư phạm Sinh học	48.01.301.004
	8	Lê Thị Hồng Thắm	21/02/2004	Ngôn Ngữ Nhật	48.01.755.089
	9	Trần Thu Hà	11/04/2004	Giáo dục Tiểu học	48.01.901.049
	10	Bùi Đức Thịnh	15/09/2007	Tâm lý học giáo dục	51.01.614.003
	11	Mai Thị Bảo Trân	21/08/2007	Hoá học	51.01.106.125
	12	Nguyễn Thị Yến Như	26/07/2007	Công tác xã hội	51.01.612.057
	13	Nguyễn Lê Đăng Khoa	26/11/2007	Sư phạm Vật lý	51.01.102.009
	14	Phan Ngọc Vũ	25/10/2007	Sư phạm Lịch Sử	51.01.602.030
	15	Hà Thị Minh Châu	22/03/2007	Hóa học	51.01.106.007
	16	Lê Thị Quỳnh Như	05/03/2007	Hóa học	51.01.106.065
	17	Trương Gia Hào	01/10/2007	Toán ứng dụng	51.01.108.013
ĐH Luật TPHCM / HCMC University of Law					
	1	Nguyễn Minh Tú	06/09/2004	Luật	2253801015356
	2	Lê Cẩm Tú	09/06/2004	Luật	2253801014203
	3	Ông Kim Bảo	10/01/2004	Luật Hành chính - Nhà nước	2253801014010
	4	Nguyễn Đình Trụ	17/11/2007	Luật	
	5	Cao Trần Yến Vy	22/04/2007	Luật	5051872
	6	Chau Vành Na	20/11/2007	Luật	5050890